

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2022/HS-ST

Ngày 26/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sên Quang Thảo và ông Sùng Seo Chử

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L số: 04/2022/TLST-HS, ngày 11 tháng 5 năm 2022, theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HS, ngày 30 tháng 5 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Dương Văn O; (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 25 tháng 4 năm 1984, tại Đại Từ, Thái Nguyên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi ĐKKHKT: Xóm LL, xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi ở: Tổ dân phố NĐ, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Dương Văn H sinh năm 1959 và bà Vũ Thị N, sinh năm 1960. Có vợ là Đào Thị N1 sinh năm 1981 và có 02 con, hiện cư trú tại xóm LL, xã Mỹ Yên, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, tạm giam từ ngày 26/02/2022, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Khương, có mặt.

2. H1 Đ V; (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 11 tháng 11 năm 1981 tại Mường Khương, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông H1 S M sinh năm 1961 và bà Lục Thị D sinh năm 1961. Có vợ là Thên Thị C sinh năm 1981 và có 03 con, hiện cư trú tại tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022 đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Long Thanh C1 (Tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ. Sinh ngày 21 tháng 9 năm 1983 tại Mường Khương, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 1/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Lùng Dung S, sinh năm 1956 và bà Thên Thị T, sinh năm 1956. Có chồng là Phan C4 D1 sinh

năm 1971 và có 02 con, hiện cư trú tại tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án: Có 01 tiền án về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích (Ngày 24/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử tuyên phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo).

Tiền sự: Không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố Xóm Chợ, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, có mặt.

4. Lù Thị H1; (tên gọi khác: Không). Giới tính: Nữ. Sinh ngày 20 tháng 12 năm 1991 tại Mường Khương, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Tổ dân phố ND, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Lù Sín C2, sinh năm 1969 và bà Sin Thị T1 sinh năm 1968. Có chồng là Lù Phúc H2, sinh năm 1986 và có 02 con, hiện cư trú tại tổ dân phố ND, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Lù Thị L (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nữ. Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1967 tại Mường Khương, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: Tổ dân phố ND, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Lù Cổ S1, (đã chết) và bà Cao Thị S2 (đã chết). Có chồng là Trần Đình M2; sinh năm 1970 (đã ly hôn) và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Lục Thị L1; (Tên gọi khác: Không). Giới tính: Nữ. Sinh ngày 24 tháng 11 năm 1968 tại Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 4/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Lù Dung S3 (đã chết) và bà Thào Sín Sầu (đã chết). Có chồng là Trần Minh C1 sinh năm 1965 và có 02 con, hiện trú tại tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Lục Tuyên H3; (tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam. Sinh ngày 15 tháng 11 năm 1985 tại Mường Khương, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Đảng phái: Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Lục Văn D2, (đã chết) và bà Vàng Thị P sinh năm 1965. Có vợ là Bùi Thị H4, sinh năm 1987 và có 02 con, hiện trú tại tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Lùng Chi T2; (tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam. Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1976 tại Mường Khương, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: Tổ dân phố XC, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Lùng Thên C3, sinh năm 1937 và bà Thên Sứ D2, sinh năm 1934. Có vợ là Vương Thị L2, sinh năm 1976 và có 03 con, hiện trú tại tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Lùng Thị C4 (tên gọi khác: Không). Giới tính: Nữ. Sinh ngày 19 tháng 3 năm 1972 tại Si Ma Cai, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Tổ dân phố XC, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Lùng Phủng T3 (đã chết) và bà Lùng Thị X (đã chết). Có chồng là Vui Chấn L2; sinh năm 1971 và có 03 con, hiện trú tại tổ dân phố XC, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

10. Lý Minh Q; (tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam. Sinh ngày 01 tháng 3 năm 1983 tại Mường Khương, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Tự do. Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Lý Văn C4, sinh năm 1960 và con bà Hoàng Thị N2, sinh năm 1963, hiện trú tại tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Có vợ là Lèng Thị D2; sinh năm 1996 và có 02 con, hiện trú tại tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

11. Nguyễn Văn T3 (tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam. Sinh ngày 10 tháng 7 năm 1979 tại Văn Chấn, Yên Bái. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Thôn PL, xã Pha Long, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Nguyễn Văn T4, sinh năm 1932 (đã chết) và bà Đặng Thị T5, sinh năm 1947 (đã chết). Có vợ là Sên Ngán X; sinh năm 1980 và có 03 con, hiện trú tại thôn PL, xã Pha Long, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

12. Phan Thị N3; (tên gọi khác: Không). Giới tính: Nữ. Sinh ngày 01 tháng 7 năm 1976 tại Mường Khương, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Dao; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: Tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Phan Tờ C5, sinh năm

1943 và bà Sân Thị S3, sinh năm 1953. Có chồng là Tráng Văn Đ; sinh năm 1979 và có 03 con, hiện trú tại tổ dân phố TL, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

13. Vàng Thị T6; (tên gọi khác: Không). Giới tính: Nữ. Sinh ngày 04 tháng 9 năm 1988 tại Mường Khương, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Tổ dân phố NĐ, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Vàng Tờ L2, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Lù Thị S4, sinh năm 1959. Có chồng là Hoàng Văn N4, sinh năm 1986 (đã ly hôn) và có 03 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

14. Vàng Văn Đ; (tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam. Sinh ngày 01 tháng 9 năm 1972 tại Mường Khương, Lào Cai. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/10; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: tổ dân phố XC, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông Vàng Phủ S5, sinh năm 1939 (đã chết) và bà Lùng Thị C6, sinh năm 1946. Có vợ là Thiều Thị T4; sinh năm 1977 và có 02 con, hiện trú tại tổ dân phố XC, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 17/02/2022, đến ngày 25/02/2022, được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

15. Nguyễn Văn M3;(tên gọi khác: Không). Giới tính: Nam. Sinh ngày 13 tháng 5 năm 1967 tại Yên Lạc, Vĩnh Phúc. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/10; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Nơi cư trú: Tổ dân phố XC, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Con ông: Nguyễn Văn H4 (đã chết) và bà Lê Thị Đ2, sinh năm 1945. Có vợ Trần Thị O1; sinh năm 1966 và có 03 con, hiện trú tại tổ dân phố XC, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại tổ dân phố Xóm Chợ, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Vàng Thị T6, Lý Minh Q: Bà Trần Thị Chinh - Trợ giúp viên Trung T6 trợ giúp pháp lý của Nhà nước, tỉnh Lào Cai, vắng mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Lùng Thị C4, Lùng Chi T2, Hoàng Đức V: Bà Hoàng Thị Diễm Hằng - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước, tỉnh Lào Cai, có mặt.

- Người bào chữa cho các bị cáo Lù Thị H1, Phan Thị N3: Bà Liêu Thị Nga - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước, tỉnh Lào Cai, có mặt.

- Người làm chứng: Bà Lù Thị L3; Sinh năm 1971. Cư trú tại tổ dân phố XC, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 23 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 02 năm 2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Khương bắt quả tang tại nhà kho phía sau nhà của bà Lò Thị L3, trú tại tổ dân phố Xóm Chợ, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương có 14 đối tượng gồm: Dương Văn O, sinh năm 1984 cư trú tại tổ dân phố Na Đầy, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai; Phan Thị N3, sinh năm 1976, Lục Thị L1, sinh năm 1968, Long Thanh C4, sinh năm 1983; Hoàng Đức V, sinh năm 1981, Lục Tuyền H3, sinh năm 1985, Lý Minh Q, sinh năm 1983, cùng trú tại tổ dân phố Tùng Lôu, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai; Lùng Thị C4, sinh năm 1972, Vàng Văn Đ, sinh năm 1972, Lùng Chi T2, sinh năm 1976, cùng trú tại tổ dân phố Xóm Chợ, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai; Vàng Thị T6, sinh năm 1988, Lò Thị L, sinh năm 1967, Lò Thị H1, sinh năm 1991, cùng trú tại tổ dân phố Na Đầy, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai; Nguyễn Văn T3, sinh năm 1979, trú tại thôn Pha Long, xã Pha Long, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, đang có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh "xóc đĩa" ăn tiền. Tang vật thu giữ trên chiếu bạc số tiền là 8.350.000đ; 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ chất rô của tú lơ khơ, 05 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu; 06 tấm xốp và 12 chiếc ghế kim loại. Ngoài ra cơ quan điều tra còn thu giữ số tiền xung quanh khu vực đánh bạc là: 11.970.000 đồng; Cơ quan CSĐT đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng theo quy định.

Tài sản, đồ vật thu giữ của các bị cáo gồm: Thu giữ trên người của Dương Văn O 01 điện thoại di động iPhone 6s plus. Thu giữ của Nguyễn Văn T3 01 xe ô tô BKS 30H-194.04; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T3 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T3 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng; 01 dây chuyền kim loại màu trắng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Halei màu vàng; 490.000đồng. Thu giữ của Lục Tuyền H3 4.000.000đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 plus màu đen; 01 nhẫn kim loại màu trắng; Thu giữ của H1 Đ V 01 điện thoại Iphone 7, màu đen; 250.000đồng; Thu giữ của Lý Minh Q 01 thẻ Căn cước công dân số 010083000291 mang tên Lý Minh Q. Thu giữ của Lò Thị L: 02 vòng lắc đeo tay hình tròn kim loại, màu trắng bạc; 01 đôi hoa tai bằng kim loại màu trắng; Thu giữ của Phan Thị N3 01 đôi khuyên tai bằng kim loại, màu trắng; 01 vòng cổ hình tròn kim loại màu trắng. Thu giữ của Lùng Thị C4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen. Thu giữ của Lò Thị H1 60.000đồng; 01 đôi hoa tai kim loại hình tròn màu trắng bạc; 01 đôi khuyên đeo tai kim loại màu trắng bạc. Thu giữ của Long Thanh C4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt lưng màu xanh. Thu giữ của Lục Thị L1 01 điện thoại Samsung Galaxy, màu xanh lam. Thu giữ của Vàng Thị T6 01 điện thoại di động Vi vô, mặt trước màu đen, lưng máy màu hồng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng; 01 đôi khuyên tai kim loại màu vàng; 01 đôi hoa tai kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng; 6.700.000đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công huyện Mường Khương đã làm rõ và có đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn M3, sinh năm 1967, trú tại tổ dân phố Xóm Chợ, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai cũng tham gia đánh bạc cùng các bị cáo nêu trên. Vì vậy ngày 19/4/2022, Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Khương ra quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Nguyễn Văn M3 về tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra xác định được:

Ngày 14/02/2022, ông Vàng Dừng H5 sinh năm 1973 (là chồng của bà Lù Thị L3) chết, được gia đình chôn cất vào ngày 15/02/2022, nhưng chưa tổ chức tang lễ. Trong thời gian chờ đến ngày tổ chức lễ tang theo phong tục địa phương, có đông người thân, họ hàng, hàng xóm đến phúng viếng, chia buồn, giúp đỡ gia đình có người chết. Đến khoảng 22 giờ 30 phút, ngày 16/02/2022, Dương Văn O đến nhà bà Lù Thị L3 để viếng đám ma. Sau khi viếng xong, thấy khu vực nhà kho đông người, Dương Văn O đi vào thì thấy trong nhà kho có trải sẵn chiếu, trên chiếu có để một bộ bát, đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn và 05 lá bài tứ lơ khơ. Biết mọi người muốn đánh bạc nên O đã ngồi vào và xóc đĩa để mọi người tham gia đánh bạc. Trong lúc này bà Lù Thị L3 cùng gia đình đang lo tổ chức lễ tang nên không để ý. Tại chiếu bạc, do có đông người ra vào, người đánh bạc, người đứng xem, hầu hết đều đeo khẩu trang nên không xác định được ai là người tham gia đánh bạc từ đầu. Sau đó, lần lượt các bị cáo Lý Minh Q, Lùng Thị C4, Nguyễn Văn T3, Vàng Thị T6, Lục Tuyên H3, Lù Thị L, Long Thanh C4, Hoàng Đức V, Vàng Văn Đ, Lùng Chi T2, Lục Thị L1, Lù Thị H1, Phan Thị N3 và Nguyễn Văn M3 đến tham gia đánh bạc.

Mặc dù không được bàn bạc thống nhất với nhau nhưng các bị cáo đều hiểu cách thức đánh xóc đĩa được quy định như sau: Người cầm cái xóc đĩa cho quân bài vị gồm 04 quân hình tròn, được đục từ quân bài tứ lơ khơ lấy ra 02 chất cơ và 02 chất rô (một mặt đỏ và 01 mặt trắng) theo quy ước sau khi xóc đĩa xong người tham gia chơi đặt tiền bên chẵn hoặc lẻ bên chẵn được quy định là bên tay phải là chẵn, bên trái là lẻ số tiền đặt cược thấp nhất là 10.000 đồng/ván, không giới hạn mức cao nhất, với tỉ lệ ăn thua 1/1, nếu người chơi đặt cược 50.000 đồng bên chẵn nếu sau khi mở bát có 02 quân vị ngựa mặt đỏ và 02 quân vị lật ngựa mặt trắng hoặc cả 04 quân vị lật mặt đỏ hoặc trắng là chẵn thì người đặt cửa chẵn sẽ thắng và được 100.000 đồng và ngược lại. Nếu số tiền hai bên chẵn lẻ người chơi đặt mà chênh lệch thì người cầm cái kiểm tiền, quân tiền của người chơi sẽ hô bán chẵn hoặc lẻ cùng số tiền chênh lệch, nếu người chơi nào mua thì sẽ được ăn thua thêm phần chênh lệch đó, cụ thể như sau:

Bị cáo Dương Văn O là người cầm cái xóc đĩa và sử dụng số tiền 700.000 đồng để đánh bạc, bị cáo thắng bạc là 3.900.000 đồng, tại ván bạc cuối khi bị bắt quả tang, O đã đặt toàn bộ số tiền 4.600.000 đồng xuống chiếu để đánh bạc và bị thu giữ trên chiếu bạc.

Bị cáo Hoàng Đức V sử dụng số tiền là 1.500.000 đồng để đánh bạc, bị thua 1.250.000 đồng. Ván cuối không tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang bị thu giữ số tiền là 250.000 đồng.

Bị cáo Long Thanh C4 sử dụng số tiền là 700.000 đồng để đánh bạc, bị 700.000 đồng. Ván cuối không tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang không bị thu giữ tiền gì.

Bị cáo Lù Thị H1 sử dụng số tiền là 100.000 đồng để đánh bạc, bị thua 40.000 đồng. Ván cuối không tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang bị thu giữ số tiền là 60.000 đồng.

Bị cáo Lù Thị L sử dụng số tiền là 300.000 đồng để đánh bạc, bị thua 300.000 đồng. Ván cuối không tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang không bị thu giữ tiền gì.

Bị cáo Lục Thị L1 sử dụng số tiền là 180.000 đồng để đánh bạc, bị thua 180.000 đồng. Ván cuối không tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang không bị thu giữ tiền gì.

Bị cáo Lục Tuyên H3 sử dụng số tiền là 500.000 đồng để đánh bạc, bị cáo thắng bạc 3.500.000 đồng, ván cuối không tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang, bị thu giữ trên người số tiền là 4.000.000 đồng.

Bị cáo Lùng Chi T2 sử dụng số tiền là 500.000 đồng để đánh bạc, bị thua 200.000 đồng. Ván cuối đặt 100.000 đồng đánh bạc và bị bắt quả tang, số tiền còn lại 200.000 đồng bị cáo làm rơi xuống chiếu bạc. Khi bị bắt quả tang, bị cáo không bị thu giữ tiền gì.

Bị cáo Lùng Thị C4 sử dụng số tiền là 200.000 đồng để đánh bạc, bị thua 100.000 đồng. Ván cuối đặt xuống chiếu bạc 100.000 đồng, khi bị bắt quả tang không bị thu giữ tiền gì.

Bị cáo Lý Minh Q sử dụng số tiền là 150.000 đồng để đánh bạc, bị thua 150.000 đồng. Ván cuối không tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang không bị thu giữ tiền gì.

Bị cáo Nguyễn Văn T3 sử dụng số tiền là 1.590.000 đồng để đánh bạc, bị thua 500.000 đồng. Ván cuối đặt 600.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, bị thu giữ trên người số tiền là 490.000 đồng.

Bị cáo Phan Thị N3 sử dụng số tiền là 200.000 đồng để đánh bạc, bị thua 200.000 đồng. Ván cuối không tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang không bị thu giữ tiền gì.

Bị cáo Vàng Thị T6 mang theo số tiền 8.100.000 đồng đến nhà bà Lù Thị L3, viếng đám ma hết 200.000 đồng. Bị cáo sử dụng số tiền là 1.200.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết. Ván cuối không tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, bị thu giữ trên người số tiền là 6.700.000 đồng.

Bị cáo Vàng Văn Đ sử dụng số tiền là 1.700.000 đồng để đánh bạc, bị thua 1.700.000 đồng. Ván cuối không tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang không bị thu giữ tiền gì.

Bị cáo Nguyễn Văn M3 sử dụng số tiền 870.000 đồng để đánh bạc, bị thua 650.000 đồng. Ván cuối không tham gia đánh bạc, khi lực lượng Công an vào bắt quả tang, bị cáo bỏ đi ra ngoài, không bị bắt quả tang. Số tiền còn lại là 220.000 đồng, bị cáo đã làm rơi khi bỏ về nhà, không rõ rơi ở đâu.

* Đối với số tiền thu giữ trên chiếu bạc, trên người của các bị cáo, thu xung quanh khu vực đánh bạc được điều tra xác định làm rõ như sau:

- Số tiền thu trên chiếu bạc là 8.350.000 đồng, trong đó: Bị cáo Dương Văn O có số tiền là 4.600.000 đồng là tiền sử dụng để đánh bạc; Bị cáo Nguyễn Văn T3 có số tiền là 600.000 đồng là tiền sử dụng để đánh bạc; Bị cáo Lùng Chi T2 có số tiền là 300.000 đồng là tiền sử dụng để đánh bạc; Bị cáo Lùng Thị C4 có số tiền là 100.000 đồng là tiền sử dụng để đánh bạc; Số tiền còn lại là 2.750.000 đồng, qua điều tra xác định là tiền của các đối tượng tham gia đánh bạc, khi bị Cơ quan điều tra vào bắt quả tang lợi dụng đông người, một số đối tượng tham gia đánh bạc đã bỏ trốn vì đeo khẩu trang nên không biết là ai.

- Tổng số tiền thu trên người các bị cáo là 4.800.000 đồng, trong đó: Của bị cáo Lục Tuyền H3 là 4.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Văn T3 là 490.000 đồng, bị cáo Hoàng Đức V là 250.000 đồng, bị cáo Lù Thị H1 là 60.000 đồng xác định các bị cáo này sử dụng để đánh bạc. Đối với số tiền 6.700.000 đồng, thu giữ của bị cáo Vàng Thị T6, đã xác định làm rõ bị cáo không sử dụng để đánh bạc nên cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo.

Như vậy số tiền bị thu giữ trên chiếu, thu giữ trên người của các bị cáo xác định được các bị cáo sử dụng để đánh bạc là: 13.150.000 đồng (Mười ba triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với tài sản, đồ vật, cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo xác định không liên quan đến hành vi đánh bạc đã trả lại cho các bị cáo, cụ thể: Trả lại cho Dương Văn O 01 điện thoại di động iPhone 6s plus; trả cho Nguyễn Văn T3 01 xe ô tô BKS 30H-194.04; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Văn T3 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T3 01 nhẫn tròn kim loại màu vàng; 01 dây chuyền kim loại màu trắng; 01 đồng hồ đeo tay nhãn hiệu Halei màu vàng; trả cho Lục Tuyền H3 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 plus màu đen; 01 nhẫn kim loại màu trắng; trả cho Hoàng Đức V 01 điện thoại Iphone 7, màu đen; trả cho Lý Minh Q 01 thẻ Căn cước công dân mang tên Lý Minh Q trả cho Lù Thị L3 02 vòng lắc đeo tay hình tròn kim loại, màu trắng bạc; 01 đôi hoa tai bằng kim loại màu trắng; Trả cho Phan Thị N3 01 đôi khuyên tai bằng kim loại, màu trắng; 01 vòng cổ hình tròn kim loại màu trắng. Trả cho Lùng Thị C4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, màu đen. Trả cho Lù Thị H1 01 đôi hoa tai kim loại hình tròn màu trắng bạc; 01 đôi khuyên đeo tai kim loại màu trắng bạc. trả cho Long Thanh C4 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, mặt lưng màu xanh. Trả cho Lục Thị L1 01 điện thoại Samsung Galaxy, màu xanh lam. Trả cho Vàng Thị T6 01 điện thoại di động Vi vô, mặt trước màu đen, lưng máy màu hồng; 01 dây chuyền kim loại màu vàng; 01 đôi khuyên tai kim loại màu vàng; 01 đôi hoa tai kim loại màu vàng; 01 nhẫn kim loại màu vàng và 6.700.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT-VKS, ngày 10/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo Dương Văn O, Phan Thị N3, Lục Thị L1, Long Thanh C1, Hoàng Đức V, Lục Tuyền H3, Lý Minh Q, Lùng Thị C4, Vàng Văn Đ, Lùng Chi T2, Vàng Thị T6, Lù Thị L, Lù Thị H1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn M3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà :

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Dương Văn O, Phan Thị N3, Lục Thị L1, Long Thanh C1, Hoàng Đức V, Lục Tuyền H3, Lý Minh Q, Lùng Thị C4, Vàng Văn Đ, Lùng Chi T2, Vàng Thị T6, Lù Thị L, Lù Thị H1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn M3 phạm tội “Đánh bạc”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Dương Văn O mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Long Thanh C4 mức án tù 07 tháng đến 09 tháng tù. Tổng hợp bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hoàng Đức V, Lùng Chi T2, Lý Minh Q mức án tù 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vàng Thị T6 mức án tù 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lù Thị H1, Lù Thị L, Lục Thị L1, Lùng Thị C4, Phan Thị N3 mức án tù 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 17, Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự: Phạt tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo Lục Tuyên H3, Vàng Văn Đ, Nguyễn Văn M3 từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Đề nghị xử lý vật chứng, tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho các bị cáo Lý Minh Q và Vàng Thị T6 vắng mặt tại phiên tòa, có gửi bản bào chữa cho Hội đồng xét xử. Người bào chữa nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương đã truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh gia đình, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất và cho các bị cáo Lý Minh Q được hưởng mức án 06 tháng cải tạo không giam giữ, cho bị cáo Vàng Thị T6 được hưởng mức án 7 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Người bào chữa cho các bị cáo Lùng Thị C4, Lùng Chi T2, Hoàng Đức V nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương đã truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh gia đình, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để xử phạt các bị cáo mức án thấp nhất và cho các bị cáo Lùng Thị C4, Lùng Chi T2, Hoàng Đức V được hưởng mức án từ 05 tháng đến 07 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Người bào chữa cho các bị cáo Lù Thị H1 và Phan Thị N3 nhất trí với tội danh, điều luật Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương đã truy tố đối với các bị cáo. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, điều kiện, hoàn cảnh gia đình, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo để xử phạt các bị cáo mức án

thấp nhất và cho các bị cáo Lù Thị H1, Phan Thị N3 được hưởng mức án 06 tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo Dương Văn O, Lục Thị L1, Long Thanh C4, Hoàng Đức V, Lục Tuyền H3, Lý Minh Q, Lùng Thị C4, Vàng Văn Đ, Lùng Chi T2, Vàng Thị T6, Lù Thị L, Lù Thị H1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn M3 đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Khương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo Phan Thị N3 vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương đã truy tố đối với bị cáo. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Dương Văn O, Lục Thị L1, Long Thanh C1, Hoàng Đức V, Lục Tuyền H3, Lý Minh Q, Lùng Thị C4, Vàng Văn Đ, Lùng Chi T2, Vàng Thị T6, Lù Thị L, Lù Thị H1, Nguyễn Văn 3, Nguyễn Văn M3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị cáo Phan Thị N3, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Vào khoảng 23 giờ 30 phút ngày 16 tháng 02 năm 2022, bị cáo Dương Văn O cùng các bị cáo nêu trên đã có hành vi đánh bạc tại nhà kho phía sau nhà của bà Lù Thị L3 với hình thức xóc đĩa ăn tiền và bị cơ quan điều tra Công an huyện Mường Khương bắt quả tang cùng tang vật.

Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 10.400.000 đồng và 2.750.000 đồng thu trên chiếu bạc được xác định là của một số đối tượng đánh bạc lợi dụng đông người đã bỏ trốn, nên các bị cáo đều phải chịu chung về toàn bộ số tiền sử dụng đánh bạc và thu trên chiếu bạc là 13.150.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Dương Văn O, Lục Thị L1, Long Thanh C4, Hoàng Đức V, Lục Tuyền H3, Lý Minh Q, Lùng Thị C4, Vàng Văn Đ, Lùng Chi T2, Vàng Thị T6, Lù Thị L, Lù Thị H1, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn M3, Phan Thị N3 đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, giữa các bị cáo tuy không có sự thỏa thuận thống nhất cách thức chơi nhưng tự ngầm hiểu và cùng tham gia đánh bạc. Bị cáo Dương Văn O là người tiên hành xóc đĩa để các bị cáo cùng chơi nên bị cáo giữ vai trò chính trong vụ án, các bị cáo còn lại đều trực tiếp tham gia đánh bạc nên có cùng vai trò như nhau trong vụ án.

Các bị cáo đều là những người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh của xã hội. Nhưng do háo lợi, các bị cáo đã phạm tội mục đích để có tiền tiêu sài cho bản thân. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên đối với các bị cáo cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo thành người lương thiện, đồng thời để răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

- Xét nhân thân các bị cáo thấy rằng các bị cáo sau không phải có nhân thân tốt gồm: Bị cáo Dương Văn O ngày 29/12/2021 đã bị Tòa án nhân dân huyện Mường Khương xét xử và bị kết án 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” (Bản án đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy do vi phạm tố tụng). Bị cáo Long Thanh C4 ngày 24/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Khương xét xử và tuyên phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa án tích.

Bị cáo Nguyễn Văn T3, ngày 04/7/2018 bị Công an huyện Mường Khương xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 1.500.000 đồng) về hành vi đánh bạc. Ngày 04/7/2018 đã nộp phạt xong. Tính đến ngày bị cáo phạm tội đã được xóa tiền sự. Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt.

[4] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Long Thanh C4 có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả 15 bị cáo trong vụ án đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hoàng Đức V, Lùng Thị C4, Phan Thị N3, Lý Minh Q, Lục Thị L1, Lù Thị L, Lục Tuyên H3, Lùng Chi T2, Vàng Thị T6, Vàng Văn Đ, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn M3, Lù Thị H1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Dương Văn O, Lùng Chi T2, Lý Minh Q, Hoàng Đức V và Nguyễn Văn T3 có người thân được tặng thưởng Huân, Huy chương, gia đình có công với cách mạng. Bị cáo Lùng Thị C4, Hoàng Đức V, Lý Minh Q, Phan Thị N3, Lùng Chi T2, Vàng Thị T6, Lù Thị H1 thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo, bị cáo Long Thanh C4 đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo trên.

[5] Về mức hình phạt đối với các bị cáo:

Bị cáo Dương Văn O là người giữ vai trò chính trong vụ án, ngày 29/12/2021 đã bị Tòa án nhân dân huyện Mường Khương xét xử và bị kết án 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc” (Bản án đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai hủy do vi phạm tố

tụng), ngày 16/02/2022 bị cáo lại tiếp tục phạm tội đánh bạc. Bị cáo Long Thanh C4 ngày 24/9/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Mường Khương xét xử và tuyên phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, chưa được xóa án tích đến ngày 16/02/2022 lại tiếp tục phạm tội đánh bạc. Do đó đối với bị cáo Dương Văn O cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục thành người lương thiện, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Long Thanh C4 cũng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục thành người lương thiện. Đồng thời tổng hợp với hình phạt 04 tháng tù của bản án số 13/2021/HSST, ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn M3, Vàng Văn Đ, Lục Tuyên H3 có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có thu nhập ổn định nên áp dụng Điều 35 của Bộ luật Hình sự để phạt tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Văn T3, ngày 04/7/2018 bị Công an huyện Mường Khương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, ngày 04/7/2018 bị cáo đã thi hành xong khoản tiền phạt. Tính đến thời điểm phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù cho hưởng án treo, tuy nhiên trong thời gian sinh sống tại địa phương, bị cáo đã chấp hành đúng đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, các quy định của địa phương, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú được chính quyền địa phương xác nhận. Hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm trong vụ án. Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, vì vậy cần xem xét, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và xét thấy không cần thiết phải bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù mà áp dụng Điều 36 – Bộ luật Hình sự cho bị cáo hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo thành người công dân lương thiện, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, theo dõi, giáo dục bị cáo là phù hợp.

Các bị cáo Hoàng Đức V, Lò Thị H1, Lục Thị L1, Lò Thị L, Lò Chi T2, Lý Minh Q, Vàng Thị T6, Phan Thị N3, Lò Thị C4 đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Xét thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, các bị cáo cũng có khả năng tự cải tạo nên cần áp dụng Điều 36 – Bộ luật Hình sự cho các bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp. Bản thân các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình khó khăn về kinh tế, không có thu nhập ổn định, một số bị cáo gia đình thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo nên miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Dương Văn O, Long Thanh C4, Hoàng Đức V, Lò Thị H1, Lục Thị L1, Lò Thị L, Lò Chi T2, Lý Minh Q, Vàng Thị T6, Phan Thị N3, Lò Thị C4, Nguyễn Văn T3 đều không có điều kiện về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Đối với bà Lò Thị L3 do gia đình có đám ma, bà L3 bận lo tang lễ cho chồng và tiếp khách đến viếng chia buồn cùng gia đình nên không để ý, không biết việc các bị cáo đánh bạc, sát phạt nhau bằng tiền tại nhà mình nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 bát sứ màu trắng; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ chất rô của tú lơ khơ, 05 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu; 06 tấm xếp. Đây là các đồ vật các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 8.350.000 đồng và thu trên người các bị cáo Lục Tuyên H3, Lùng Thị C4, Nguyễn Văn T3, Hoàng Đức V tổng số tiền 4.800.000 đồng. Tổng cộng là 13.150.000 đồng xác định được là tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 11.970.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ xung quanh khu vực đánh bạc không chứng minh được là tiền của ai nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với việc trả lại tài sản của Cơ quan điều tra cho các bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử không giải quyết lại.

[9]. Xét quan điểm của Kiểm sát viên và quan điểm của người bào chữa : Xét thấy tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Những người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt đối với các bị cáo mức án là phù hợp nên chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và quan điểm của người bào chữa.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Dương Văn O, Long Thanh C4, Hoàng Đức V, Lù Thị H1, Lục Thị L1, Lù Thị L, Lùng Chi T2, Lý Minh Q, Vàng Thị T6, Phan Thị N3, Lùng Thị C4, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn M3, Vàng Văn Đ, Lục Tuyên H3 phạm tội “Đánh bạc”.

1.1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn O 08 (tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 17/02/2022.

1.2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 2 Điều 56, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Long Thanh C4 07 (bảy) tháng tù; tổng hợp với hình phạt 04 (bốn) tháng tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HSST, ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, buộc bị cáo Long Thanh C4 phải chấp hành hình phạt C4 cho cả 2 bản án là 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án. Bị cáo được khấu trừ 09 (chín) ngày tạm giữ (theo bản án hình sự sơ thẩm số 13/2021/HSST, ngày 24/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai).

1.3. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 35, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

- Phạt tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Văn M3 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

- Phạt tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Vàng Văn Đ số tiền 22.000.000 đồng (Hai mươi hai triệu đồng).

- Phạt tiền nộp ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Lục Tuyên H3 số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án đối với khoản tiền phạt nộp ngân sách Nhà nước, nếu các bị cáo chậm thi hành thì hàng tháng các bị cáo phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

1.4. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 17, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 07 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Đức V 07 (Bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Vàng Thị T6 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Lù Thị L 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Lù Thị H1 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Lục Thị L1 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Lùng Chi T2 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Lùng Thị C4 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Phan Thị N3 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Lý Minh Q 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 09 ngày tạm giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân nơi các bị cáo chấp hành hình phạt nhận được Q định thi hành án và bản án của Tòa án.

Giao các bị cáo Hoàng Đức V, Lù Thị H1, Lục Thị L1, Lù Thị L, Lùng Chi T2, Lý Minh Q, Vàng Thị T6, Phan Thị N3, Lùng Thị C4 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Mường Khương giám sát, giáo dục. Giao bị cáo Nguyễn Văn T3 cho UBND xã Pha Long, huyện Mường Khương giám sát, giáo dục.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước tổng số tiền 25.120.000 đồng, trong đó tiền do các bị cáo đánh bạc là 13.150.000 đồng, tiền không xác định được chủ sở hữu 11.970.000

đồng, toàn bộ số tiền này được niêm phong trong 06 phong bì và được bàn giao sang Kho bạc Nhà nước huyện Mường Khương theo biên bản giao nhận ngày 21/4/2022 giữa Cơ quan Công an huyện Mường Khương và Kho bạc Nhà nước huyện Mường Khương, cụ thể:

- 01 gói phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi số tiền 490.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T3 ngày 17/02/2022.

- 01 gói phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi số tiền 60.000 đồng thu giữ của Lù Thị H1, ngày 17/02/2022.

- 01 gói phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi số tiền 250.000 đồng thu giữ của Hoàng Đức V, ngày 17/02/2022.

- 01 gói phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi số tiền 4.000.000 đồng thu giữ của Lục Tuyền H3, ngày 17/02/2022.

- 01 gói phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi số tiền 8.350.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc.

- 01 gói phong bì đã niêm phong, mặt trước có ghi số tiền 11.970.000 đồng thu giữ ngoài chiếu bạc.

Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ màu trắng, bên ngoài có hoa văn; 01 đĩa sứ màu trắng; 04 quân vị hình tròn được cắt từ chất rô của tú lơ khơ, 05 quân bài tú lơ khơ; 01 chiếc chiếu; 06 tấm xốp (đều đã qua sử dụng). Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2022 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Khương và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Các bị cáo Dương Văn O, Long Thanh C4, Hoàng Đức V, Lù Thị H1, Lục Thị L1, Lù Thị L, Lùng Chi T2, Lý Minh Q, Vàng Thị T6, Lùng Thị C4, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn M3, Vàng Văn Đ, Lục Tuyền H3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo Phan Thị N3 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Bị cáo, NBC;
- Công an huyện Mường Khương (2 bản) ;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ + TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Hồng Diện

